TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11- 2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Nhung

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng T, năm 1984

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn anh Hoàng T trình bày: Anh và chị H có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, vào ngày 03/6/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do vợ chồng tính tình không hợp, chị H không làm tròn bổ phận dâu con nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vả. Vì vậy chị H đã bỏ về nhà bố mẹ chị H sống một thời gian, sau đó anh đã gọi chị H về nhưng vợ chồng chỉ sống với nhau được 04 tháng thì chị H lại bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho

đến nay. Anh đã nhiều lần liên lạc với chị H, khuyên chị trở lại đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị H không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn. Quá trình chung sống anh và chị H có 02 con chung là Hoàng Xuân T, sinh ngày 23/5/2011 và Hoàng Võ T, sinh ngày 20/11/2012, nếu ly hôn anh có nguyện vọng mỗi người nuôi một con chung. Quá trình chung sống anh và chị H không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu nhiều lần cho chị H nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã S và lời khai của ông Nguyễn L (bố đẻ của chị H): Hiện chị H đã làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, sau khi nhận được các văn bản tố tụng nói trên của Toà án, ông đã điện báo cho chị H nhưng vì điều kiện công việc, chị H không thể trực tiếp đến Toà án để giải quyết việc ly hôn với anh T được, chị yêu cầu Toà án giải quyết theo định pháp luật. Ngày 15/10/2018, Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh T, chị H đến phiên toà vào ngày 31/10/018, nhưng chị H vắng mặt nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 15/11/2008, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã S và lời khai của ông Nguyễn L: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được Uỷ ban tống đạt cho ông L và ông L đã thông báo cho chị H biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Hoàng T và chị Nguyễn Thị H; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh Hoàng T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; giao con Hoàng Xuân T, sinh ngày 23/5/2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con Hoàng Võ T, sinh ngày 20/11/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Hoàng T có đơn yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị H, hiện tại anh T và chị H đều có hộ khẩu thường trú tại xã S, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt nguyên đơn: Tại phiên tòa, vắng mặt anh Hoàng T song xét thấy do điều kiện công việc ở xa và đi lại khó khăn nên anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Hoàng T

- Về sự vắng mặt bị đơn: Xét thấy chị H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/6/2005. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc là do chị H chưa làm tròn bổn phận của người con dâu trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy cải vã, bất đồng quan điểm nên đã phát sinh mâu thuẫn. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống một thời gian và sau đó vợ chồng trở về chung sống cùng nhau nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, chị H thì bỏ đi làm ăn xa, anh Tuấn ở nhà, cuộc sống mỗi người một nơi không ai quan tâm gì đến nhau nên sau này anh T cũng đi làm ăn. Sau khi thụ lý vụ án để giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng chị H đều không có mặt tại Tòa án. Tại phiên tòa ngày 31/10/2018, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 1, bị đơn chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 15/11/2018, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Gia đình chị H cũng đã thừa nhận việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị và đã thông báo cho chị biết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H. Đồng thời xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và anh chị H thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Hoàng Xuân T, sinh ngày 23/5/2011 và Hoàng Võ T, sinh ngày 20/11/2012. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh T xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung. Xét thấy, anh T và chị H đều có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, hiện tại chị H đi làm ăn xa, hai con đều ở nhà với ông bà ngoại tại xã S, anh T có nguyện vọng xin được nuôi 01 con chung, mặt khác hiện tại con Hoàng Xuân T có nguyện vọng xin được ở với anh T, nguyện vọng của anh T xin được nuôi 01 con chung là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, giao con Hoàng Xuân T, sinh ngày 23/5/2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Hoàng Võ T, sinh ngày 20/11/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Sau khi ly hôn hai bên có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không được ai cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống anh T và chị H không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Hoàng T phải nộp tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt: Nguyên đơn anh Hoàng T và bị đơn chị Nguyễn Thị Hà

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con Hoàng Xuân T, sinh ngày 23/5/2011cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Hoàng Võ T, sinh ngày 20/11/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không được ai cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc anh Hoàng T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002272, ngày 12/9/2018.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.